

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2024/DS-PT
Ngày 28 - 11 - 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Giang Thị Cẩm Thuý

Bà Tăng Trần Quỳnh Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Khoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 116/2024/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1938. Địa chỉ: Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Bà Phan Ngọc T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Số B, T, Khóm A, Phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lan P, sinh năm 1974. Địa chỉ: Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1969

2. Anh Nguyễn Vũ T1, sinh năm 1992

3. Anh Nguyễn Vũ E, sinh năm 1998

4. Chị Nguyễn Thị Thảo L, sinh năm 2003

5. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1940

Cùng địa chỉ: Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

6. Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T2 - Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh T3 - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã G.

- **Người kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn.

(Bà Phan Ngọc T, bà Nguyễn Thị Lan P, ông Nguyễn Minh Đ có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/5/2024, và các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Văn C trình bày:

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là vào khoảng năm 1988 ông Nguyễn Văn L1 (cha của bà H) chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị H phần đất có chiều ngang khoảng 18,03m, dài khoảng 45,03m, khi ông L1 chuyển nhượng lại thì không có đo đạc cụ thể. Đến năm 1990 thấy hoàn cảnh gia đình của ông Nguyễn Văn Đ1 (ông Đ1 là con của ông L1) khó khăn nên ông L1 kêu ông Đ1 về cho ở nhờ trên phần đất nêu trên. Sau khi ông L1 mất thì bà H có bán cho bà Nguyễn Thị Lan P (là con của ông Đ1) một phần đất có chiều ngang khoảng 07m, dài khoảng 45,03m với giá là 07 chỉ vàng 24K. Đến năm 2014 bà H tiếp tục bán cho bà P thêm một phần đất có chiều ngang khoảng 07m, dài khoảng 45,03m nữa với giá là 43.000.000đ. Như vậy bà H hai lần bán đất cho bà P là khoảng 14m, dài khoảng 45,03m, còn lại là phần đất chiều ngang khoảng 4,03m, dài 45,03m. Do chưa có nhu cầu sử dụng nên bà H cho bà P mượn lại phần đất tranh chấp, việc cho mượn không có làm giấy tờ.

Phần đất này bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đó chuyển tên sang cho ông C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 101198 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 08/6/2010. Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Lan P trả phần đất theo diện tích đo đạc thực tế phần đất có diện tích 253,8 m². Đất tọa lạc tại khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Lan P trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn L1 để lại cho cha bà là ông Nguyễn Văn Đ1 (để lại thời gian nào bà không nhớ cụ thể), đến năm 1997 ông Đ1 để lại toàn bộ phần đất tranh chấp nêu trên cho bà và bà đã quản lý, sử dụng ổn định liên tục từ năm 1997 đến nay không phát sinh tranh chấp với ai. Ông L1 cũng có để lại bà H một phần đất chiều ngang khoảng 07m, dài khoảng 45,3m nhưng không phải là vị trí phần đất tranh chấp hiện nay và đến năm 2014

bà H đã bán lại phần đất này cho bà với giá là 43.000.000đ. Còn phần đất ông Đ1 để lại cho bà thì bà đã xây nhà ở ổn định cho đến nay, nguyên nhân phát sinh tranh chấp là vào ngày 28/12/2022 Ủy ban nhân dân thị xã G thu hồi và bồi thường đất cho bà để thực hiện dự án xây dựng bờ kè, nhưng ông C là con bà H cho rằng phần đất tranh chấp do bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đòi đất. Bà xác định bà nhận chuyển nhượng đất của bà H một lần vào năm 2014 chứ không phải hai lần theo như biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân Phường A, thị xã G ngày 28/6/2023 đã nêu.

Phần đất tranh chấp nêu trên bà có đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nhưng do thuế cao nên bà chưa có tiền đóng nên chưa đăng ký được. Nay bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh Đ trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Lan P, không có ý kiến gì bổ sung.

Quá trình làm việc tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ1 trình bày:

Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha ông là ông Nguyễn Văn L1 cho lại ông, đến năm 1997 ông cho lại con gái ông là Nguyễn Thị Lan P. Ông Nguyễn Văn L1 cũng có để lại cho bà H một phần đất khoảng 07m, dài từ lộ đến sau hậu và phần đất này bà H cũng đã bán cho bà P. Phần đất ông cho bà P thì bà P đã xây dựng nhà ở và quản lý sử dụng từ lúc ông tặng cho cho đến nay. Nên nay bà H khởi kiện đòi đất bà P là không đúng.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Nguyễn Vũ T1; anh Nguyễn Vũ E; chị Nguyễn Thị Thảo L trình bày: Thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lan P.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Lan P trả phần đất có kích thước và định vị như sau:

- Hướng đông giáp đất ông Dương Văn T4 có cạnh 51,28m (trong đó có 4,29m thuộc ranh giới thu hồi bờ kè);
- Hướng tây giáp phần đất còn lại của bà P có cạnh 50,65m (trong đó có 4,29m thuộc ranh giới thu hồi bờ kè);
- Hướng nam giáp lộ bê tông cạnh 3,89m;
- Hướng bắc giáp đất ông Huỳnh Văn S có cạnh 6,09m.

Diện tích 253,8m², thuộc một phần thửa số 94, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quy định về thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, bà Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị Lan P trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích 253,8m², tọa lạc tại Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thì không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 05/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H nộp trong thời hạn luật định. Bà H được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng và quan hệ tranh chấp đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Vũ T1, ông Nguyễn Vũ E, bà Nguyễn Thị Thảo L, ông Nguyễn Văn Đ1 và Ủy ban nhân dân thị xã G vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Căn cứ vào biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai và phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 21/02/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã G xác định phần đất tranh chấp có kích thước và định vị như sau:

- Hướng đông giáp đất ông Dương Văn T4 có cạnh 51,28m (trong đó có 4,29m thuộc ranh giới thu hồi bờ kè);

- Hướng tây giáp phần đất còn lại của bà Nguyễn Thị Lan P có cạnh 50,65m (trong đó có 4,29m thuộc ranh giới thu hồi bờ kè);

- Hướng nam giáp lộ bê tông cạnh 3,89m;

- Hướng bắc giáp đất ông Huỳnh Văn S có cạnh 6,09m.

Tổng diện tích 253,8m², thuộc một phần thửa số 94, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Hiện trạng là đất trồng cây lâu năm, trên đất có 01 mái che gắn liền với nhà chính có chiều ngang 5,5m, dài 12m, kết cấu cột bê tông, đòn tay kẽm, mái lợp tol, thiếc; nền trát xi măng, tài sản trên do bà P đang quản lý, sử dụng, Ngoài ra trên đất có 01 cây cau đường kính 20cm, 01 cây trứng cá đường kính 10cm.

[5] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị Lan P trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích 253,8m², tọa lạc tại Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

[5.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn L1 chuyển nhượng cho bà H. Phần đất chuyển nhượng có chiều ngang khoảng 18,03m dài khoảng 45,03m (bao gồm phần đất tranh chấp ngang khoảng 4,03m dài khoảng 45,03m). Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của bà H (trong quá trình xét xử sơ thẩm) là ông Huỳnh Văn C có cung cấp “Tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất ngày 14/10/2002” thể hiện nguồn gốc đất là do ông Nguyễn Văn L1 tặng cho lại bà H từ năm 1960 (Bút lục 128). Lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có sự mâu thuẫn, không xác định được nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn L1 tặng cho hay chuyển nhượng cho bà H. Đồng thời, bà H không xác định được vị trí ranh đất cũng như diện tích thực tế sử dụng là bao nhiêu. Do đó chưa đủ cơ sở để xem xét về nguồn gốc đất tranh chấp như lời trình bày của bà H.

[5.2] Bà Nguyễn Thị H cho rằng sau hai lần bán đất cho bà Nguyễn Thị Lan P là khoảng 14m, dài khoảng 45,03m, còn lại là phần đất tranh chấp chiều ngang khoảng 4,03m, dài 45,03m thì bà H cho bà P mượn để sử dụng. Tuy nhiên, bà H không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này. Ngoài ra, bà P xác định phần đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn Đ1 cho bà P vào năm 1997. Sau khi được cho đất thì bà P đã quản lý, sử dụng ổn định liên tục đến nay, đã xây dựng nhà kiên cố nhưng bà H không phản đối sự việc trên.

[5.3] Người đại diện theo ủy quyền của bà H (trong quá trình xét xử sơ thẩm) là ông Huỳnh Văn C cho rằng phần đất tranh chấp bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đó chuyển tên sang cho ông C theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 101198 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 08/6/2010. Tuy nhiên tại Công văn số 518/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 31/5/2024 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã G xác định: Phần diện tích đất tranh

chấp theo bản đồ chính quy 378 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, hiện do bà Nguyễn Thị Lan P đứng tên trên sổ mục kê; theo bản đồ 299 thì thuộc thửa số 662, tờ bản đồ số 02 do ông Nguyễn Văn Đ1 đứng tên trên sổ mục kê. Như vậy, phần đất tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Văn C. Hơn nữa, tại phiên tòa sơ thẩm, ông C trình bày, ông C có phần đất liền kề với phần đất tranh chấp, được bà H cho và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy vậy, ông C, bà H lại không đăng ký kê khai đối với phần đất tranh chấp nên lời trình bày của ông C là không phù hợp.

[5.4] Trong quá trình xét xử phúc thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của bà H là bà Phan Ngọc T có cung cấp văn bản trình bày ý kiến của bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1943, bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1946 (bà C1, bà A là em của bà H là cô của bà P), ông Dương Văn T4, sinh năm 1966; Huỳnh Văn S, sinh năm 1966, ông Đỗ Kim K, sinh năm 1947 (ông T4, bà K, ông S cùng địa chỉ ở khóm B, phường A, thị xã G), các văn bản trình bày trên không đề ngày tháng năm đều thể hiện nguồn gốc đất tranh chấp đất là của bà Nguyễn Thị H. Phần đất tranh chấp là phần còn lại của bà H ngang 04m, dài 45m như lời trình bày của bà Nguyễn Thị H. Tuy nhiên, lời trình bày của bà A, bà C1 xác định là bà P lấn chiếm phần đất của bà H để làm chuồng heo là mâu thuẫn với lời trình bày của bà H xác định cho bà P mượn sử dụng. Đối với lời trình bày của ông T4, ông S, bà K chỉ xác định thấy bà P cất chuồng heo, để đồ đạc trên phần đất tranh chấp nhưng không rõ lý do.

Xét thấy những lời trình bày của người làm chứng chỉ biết bà P sử dụng đất là của bà H, ngoài lời trình bày của những người làm chứng thì bà H không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh phần đất tranh chấp là của bà H và bà H cho bà P mượn sử dụng.

[6] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Chấp nhận ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Đã chi hết số tiền 2.516.800 đồng. Bà Nguyễn Thị H đã dự nộp số tiền 5.000.000 đồng, theo phiếu thu số 20 ngày 29/01/2024 được đối trừ chi phí nêu trên. H1 lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.483.200 đồng theo phiếu chi ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.

[8] Về án phí:

[8.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà H không phải chịu. Bà H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008799 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại toàn bộ.

[8.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà H không phải chịu.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2024/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ vào các Điều 26, 34, 35, 39, 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Lan P trả phần đất có kích thước và định vị như sau:

- Hướng đông giáp đất ông Dương Văn T4 có cạnh 51,28m (trong đó có 4,29m thuộc ranh giới thu hồi bờ kè);

- Hướng tây giáp phần đất còn lại của bà P có cạnh 50,65m (trong đó có 4,29m thuộc ranh giới thu hồi bờ kè);

- Hướng nam giáp lộ bê tông cạnh 3,89m;

- Hướng bắc giáp đất ông Huỳnh Văn S có cạnh 6,09m.

Diện tích 253,8m², thuộc một phần thửa số 94, tờ bản đồ số 35, đất tọa lạc tại Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Đã chi hết số tiền 2.516.800đ. Bà Nguyễn Thị H đã dự nộp số tiền 5.000.000 đồng, theo phiếu thu số 20 ngày 29/01/2024 được đối trừ chi phí nêu trên. H1 lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền 2.483.200 đồng theo phiếu chi ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà H không phải chịu. Bà H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008799 ngày 17/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại toàn bộ.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà H không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thị xã Giá Rai;
- CCTHADS thị xã Giá Rai;
- Đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Hùng